



VNU Journal of Science: Legal Studies

Journal homepage: <https://js.vnu.edu.vn/LS>



Original Article

The Evolution of Due Diligence Obligations in Climate Change Law: Insights from the Advisory Opinions of the International Tribunal for the Law of the Sea and the International Court of Justice, Implications for Vietnam

Do Viet Cuong*

VNU University of Law, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Ha Noi, Vietnam

Received 17th August 2025

Revised 25th June 2026; Accepted 25th September 2026

Abstract: Climate change is accelerating the development of international legal norms aimed at defining States' responsibilities in preventing, mitigating, and responding to climate-related harms. In this context, the 2024 Advisory Opinion of the International Tribunal for the Law of the Sea (ITLOS) and the 2025 Advisory Opinion of the International Court of Justice (ICJ) represent significant milestones in clarifying the content of the due diligence obligation within international climate law. This article examines the theoretical foundations of due diligence and analyzes how this obligation has evolved through the legal reasoning and findings of ITLOS and the ICJ. It identifies emerging legal standards relating to the establishment of domestic climate governance frameworks, the regulation of greenhouse gas emissions, climate risk assessment and management, the supervision of private actors, and international cooperation. Building on this analysis, the article evaluates the compatibility of Vietnamese law with these emerging standards, highlights existing legal gaps, and proposes directions for legal reform. The article argues that due diligence is increasingly becoming a central normative principle of contemporary international climate law and that its domestic implementation is essential for strengthening Vietnam's legal framework on climate change and enhancing the effectiveness of national climate governance.

Keywords: Climate change; due diligence obligation; international climate law; International Court of Justice; International Tribunal for the Law of the Sea; Vietnamese law.

* Corresponding author.

E-mail address: cuongvietdo@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4807>

Nghĩa vụ thẩm định thích đáng trong ứng phó với biến đổi khí hậu: Sự phát triển qua các Ý kiến tư vấn của Tòa án Quốc tế về Luật Biển và Tòa án Công lý Quốc tế, hàm ý đối với Việt Nam

Đỗ Việt Cường*

Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Việt Nam

Nhận ngày 17 tháng 8 năm 2025

Chỉnh sửa ngày 25 tháng 6 năm 2026; Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 9 năm 2026

Tóm tắt: Biến đổi khí hậu đang thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng của các chuẩn mực pháp lý quốc tế nhằm xác định trách nhiệm của quốc gia trong phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó với các tác động khí hậu. Trong bối cảnh đó, các ý kiến tư vấn của Tòa án quốc tế về Luật Biển (ITLOS) năm 2024 và Tòa án Công lý quốc tế (ICJ) năm 2025 đánh dấu bước phát triển quan trọng trong việc làm rõ nội hàm của nghĩa vụ thẩm định thích đáng trong luật khí hậu quốc tế. Bài viết phân tích cơ sở lý luận của nghĩa vụ thẩm định thích đáng, đánh giá sự phát triển của nghĩa vụ này qua các lập luận và kết luận pháp lý của ITLOS và ICJ, đồng thời nhận diện các chuẩn mực pháp lý đang hình thành liên quan đến xây dựng khuôn khổ pháp luật khí hậu, kiểm soát phát thải khí nhà kính, đánh giá và quản trị rủi ro khí hậu, điều tiết hoạt động của các chủ thể tư nhân và tăng cường hợp tác quốc tế. Trên cơ sở đó, bài viết đối chiếu các chuẩn mực mới nổi này với pháp luật Việt Nam nhằm đánh giá mức độ tương thích, chỉ ra những khoảng trống pháp lý còn tồn tại và đề xuất định hướng hoàn thiện pháp luật trong nước. Bài viết cho rằng nghĩa vụ thẩm định thích đáng đang trở thành chuẩn mực trung tâm của luật khí hậu quốc tế đương đại và việc nội luật hóa chuẩn mực này có ý nghĩa quan trọng đối với quá trình hoàn thiện khuôn khổ pháp luật về biến đổi khí hậu tại Việt Nam.

Từ khóa: Biến đổi khí hậu; nghĩa vụ thẩm định thích đáng; luật khí hậu quốc tế; Tòa án Công lý quốc tế; Tòa án quốc tế về Luật Biển; pháp luật Việt Nam.

1. Đặt vấn đề

Biến đổi khí hậu đang làm thay đổi căn bản cấu trúc của luật môi trường quốc tế. Nếu trong giai đoạn đầu, luật khí hậu quốc tế chủ yếu được định hình thông qua các cơ chế điều ước, đàm phán chính trị và cam kết tự nguyện, thì trong những năm gần đây, các thiết chế tài phán quốc tế ngày càng tham gia sâu hơn vào việc giải thích nội dung nghĩa vụ pháp lý của quốc gia. Sự phát triển này phản ánh một xu hướng rộng hơn của

luật quốc tế đương đại khi các vấn đề khí hậu không còn chỉ được nhìn nhận như vấn đề chính sách công toàn cầu, mà ngày càng được đặt trong khuôn khổ nghĩa vụ pháp lý, trách nhiệm quốc gia và bảo vệ lợi ích chung của cộng đồng quốc tế [1].

Trong bối cảnh đó, Ý kiến tư vấn của Tòa án Quốc tế về Luật Biển (ITLOS) ngày 21/5/2024 về biến đổi khí hậu và luật quốc tế [2] và Ý kiến tư vấn của Tòa án Công lý Quốc tế (ICJ) ngày 23/7/2025 về nghĩa vụ của các quốc gia liên quan đến biến đổi khí hậu [3] có ý nghĩa đặc biệt.

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: cuongvietdo@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4>

ITLOS lần đầu tiên xác định phát thải khí nhà kính do con người gây ra có thể cấu thành ô nhiễm môi trường biển theo Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 (UNCLOS) [4], qua đó làm rõ nghĩa vụ của quốc gia trong phòng ngừa, giảm thiểu và kiểm soát ô nhiễm biển liên quan đến biến đổi khí hậu [5]. ICJ, trong phạm vi rộng hơn, đã hệ thống hóa các nghĩa vụ khí hậu của quốc gia trên cơ sở luật điều ước, luật tập quán quốc tế, uật nhân quyền và các nguyên tắc chung của luật quốc tế [6]. Hai ý kiến tư vấn này không tạo ra một chế độ pháp lý hoàn toàn mới, nhưng góp phần làm rõ nội hàm và mức độ của nghĩa vụ thẩm định thích đáng (due diligence) trong ứng phó với biến đổi khí hậu.

Các nghiên cứu hiện nay có thể được chia thành ba nhóm. Nhóm thứ nhất tập trung vào giá trị pháp lý và sức thuyết phục của các ý kiến tư vấn khí hậu. Bodansky cho rằng cần đánh giá thận trọng thẩm quyền thực tế của ICJ, bởi ý kiến tư vấn không có hiệu lực ràng buộc như phán quyết trong vụ tranh chấp và sức ảnh hưởng của nó phụ thuộc đáng kể vào chất lượng lập luận pháp lý cũng như sự tiếp nhận của quốc gia [7]. Nhóm thứ hai phân tích nghĩa vụ thẩm định thích đáng trong luật môi trường và luật khí hậu quốc tế, đặc biệt dưới góc độ phòng ngừa thiệt hại, đánh giá tác động môi trường, hợp tác quốc tế và điều tiết chủ thể tư nhân [8]. Nhóm thứ ba xem xét tác động của các ý kiến tư vấn đối với trách nhiệm quốc gia, tranh tụng lợi ích công cộng và khả năng viện dẫn nghĩa vụ erga omnes trong bối cảnh biến đổi khí hậu. Tanaka nhấn mạnh rằng việc ICJ thừa nhận tính chất erga omnes của một số nghĩa vụ bảo vệ môi trường khỏi phát thải khí nhà kính có thể mở rộng cơ sở pháp lý cho việc viện dẫn trách nhiệm quốc gia, mặc dù các vấn đề về thời gian, quy thuộc hành vi, quan hệ nhân quả và bồi thường vẫn còn phức tạp [9].

Tuy vậy, tại Việt Nam, chưa có nhiều nghiên cứu tiếp cận đồng thời ICJ và ITLOS dưới góc độ phát triển nội hàm của nghĩa vụ thẩm định thích đáng và đánh giá hệ quả của chuẩn mực này đối với việc hoàn thiện pháp luật trong nước. Khoảng trống này có ý nghĩa thực tiễn rõ rệt, bởi Việt Nam vừa là quốc gia đang phát triển, vừa là quốc gia ven biển chịu tác động nghiêm trọng của

biến đổi khí hậu [10], đồng thời đang xây dựng các thiết chế pháp luật về kiểm kê khí nhà kính, thị trường carbon, đánh giá tác động môi trường và thực hiện cam kết phát thải ròng bằng “0”.

Trên cơ sở đó, bài viết đặt ra ba câu hỏi nghiên cứu: i) nội hàm của nghĩa vụ thẩm định thích đáng trong ứng phó với biến đổi khí hậu đã được phát triển như thế nào qua các ý kiến tư vấn của ITLOS và ICJ; ii) những chuẩn mực pháp lý nào đang được hình thành; iii) các chuẩn mực đó đặt ra yêu cầu gì đối với pháp luật Việt Nam. Bài viết sử dụng phương pháp phân tích quy phạm, phân tích án lệ và ý kiến tư vấn của ITLOS và ICJ, phân tích so sánh pháp luật và phân tích chính sách pháp luật nhằm làm rõ khả năng chuyển hóa nghĩa vụ thẩm định thích đáng từ bình diện luật quốc tế vào hệ thống pháp luật Việt Nam.

2. Cơ sở lý luận về nghĩa vụ thẩm định thích đáng trong luật môi trường và luật khí hậu quốc tế

2.1. Khái niệm và bản chất pháp lý của due diligence

Nghĩa vụ thẩm định thích đáng (due diligence) là chuẩn mực pháp lý yêu cầu quốc gia thực hiện các biện pháp hợp lý, thích hợp và khả thi nhằm phòng ngừa, giảm thiểu hoặc kiểm soát nguy cơ gây tổn hại đối với các lợi ích được luật quốc tế bảo vệ [11]. Khác với cách hiểu “due diligence” trong quản trị doanh nghiệp, tài chính hoặc pháp luật quốc gia, due diligence trong luật quốc tế trước hết là chuẩn mực đánh giá hành vi của quốc gia khi quốc gia biết, hoặc phải biết, về nguy cơ phát sinh thiệt hại từ các hoạt động thuộc quyền tài phán hoặc kiểm soát của mình [11].

Về nguồn gốc, nghĩa vụ này thường được liên hệ với nguyên tắc được ICJ khẳng định trong vụ Corfu Channel, theo đó quốc gia không được để lãnh thổ của mình bị sử dụng theo cách gây tổn hại đến quyền của quốc gia khác [12]. Trong uật môi trường quốc tế, nguyên tắc này phát triển thành nghĩa vụ phòng ngừa thiệt hại xuyên biên giới, thể hiện qua yêu cầu quốc gia phải thực hiện

mọi biện pháp thích hợp nhằm ngăn ngừa hoặc giảm thiểu nguy cơ gây thiệt hại đáng kể [13]. Về bản chất, due diligence chủ yếu là nghĩa vụ về hành vi, không phải nghĩa vụ bảo đảm tuyệt đối một kết quả nhất định [11]. Quốc gia không bị yêu cầu loại bỏ hoàn toàn mọi rủi ro, nhưng phải chứng minh rằng mình đã thiết lập khuôn khổ pháp luật, thiết chế quản lý, cơ chế giám sát và biện pháp thực thi tương xứng với mức độ rủi ro có thể dự báo [11]. Do đó, việc đánh giá tuân thủ không chỉ dựa vào câu hỏi thiệt hại có xảy ra hay không, mà còn dựa vào câu hỏi quốc gia đã hành động một cách hợp lý, thiện chí và cẩn trọng hay chưa [14]

Đặc điểm quan trọng của due diligence là tính động và tương đối. Chuẩn mực này không áp dụng giống nhau trong mọi hoàn cảnh, mà thay đổi tùy theo mức độ nguy hiểm của hoạt động, khả năng dự báo thiệt hại, năng lực của quốc gia, tri thức khoa học hiện có và mức độ kiểm soát đối với nguồn rủi ro [13]. Chính vì vậy, due diligence vừa bảo lưu không gian chính sách cho quốc gia, vừa đặt ra một ngưỡng trách nhiệm khách quan nhằm ngăn ngừa sự thụ động hoặc thiếu hành động trong quản trị rủi ro toàn cầu [15].

2.2. Các yếu tố cấu thành nội hàm của nghĩa vụ thẩm định thích đáng

Nội hàm của nghĩa vụ thẩm định thích đáng không thể được giản lược thành một yêu cầu chung về “nỗ lực hợp lý”. Trong luật môi trường quốc tế, chuẩn mực này được cấu thành bởi một nhóm nghĩa vụ liên kết với nhau, trong đó nghĩa vụ phòng ngừa giữ vị trí nền tảng [11]. Quốc gia phải chủ động ngăn ngừa nguy cơ gây thiệt hại đáng kể trước khi thiệt hại xảy ra, thay vì chỉ xử lý hậu quả sau khi thiệt hại đã xảy ra [13]. Nghĩa vụ phòng ngừa đặc biệt quan trọng trong các lĩnh vực có nguy cơ gây tổn hại nghiêm trọng hoặc không thể đảo ngược, bởi ở đó việc khắc phục hậu quả thường khó khăn, tốn kém hoặc bất khả thi [13].

Yếu tố thứ hai là nghĩa vụ đánh giá rủi ro, trong đó đánh giá tác động môi trường (EIA) là công cụ pháp lý trung tâm [13]. Trong vụ Pulp Mills, ICJ xác định rằng khi một hoạt động có

nguy cơ gây tác động bất lợi đáng kể trong bối cảnh xuyên biên giới, việc tiến hành đánh giá tác động môi trường là yêu cầu của luật quốc tế chung [16]. EIA không chỉ là thủ tục hành chính, mà còn là phương tiện để quốc gia nhận diện rủi ro, thu thập thông tin khoa học, tham vấn chủ thể bị ảnh hưởng và lựa chọn biện pháp quản lý phù hợp. Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, chức năng này mở rộng sang đánh giá phát thải khí nhà kính, rủi ro khí hậu, tác động tích lũy và mức độ tương thích của dự án với mục tiêu giảm phát thải [8].

Yếu tố thứ ba là nghĩa vụ điều tiết chủ thể tư nhân [11]. Trong nhiều lĩnh vực, thiệt hại quốc tế không trực tiếp phát sinh từ cơ quan nhà nước, mà từ hoạt động của doanh nghiệp, cá nhân hoặc các thực thể phi nhà nước trong phạm vi quyền tài phán quốc gia [17]. Vì vậy, due diligence đòi hỏi quốc gia phải ban hành quy định, cấp phép, kiểm tra, giám sát và áp dụng chế tài đối với các hoạt động tư nhân có nguy cơ gây tổn hại [8]. Đây là điểm nối giữa chủ quyền quốc gia và trách nhiệm quốc tế, tại đó quốc gia có quyền lựa chọn mô hình quản lý trong nước, nhưng không thể viện dẫn sự độc lập của chủ thể tư nhân để né tránh nghĩa vụ kiểm soát rủi ro.

Yếu tố thứ tư là nghĩa vụ hợp tác và chia sẻ thông tin [13]. Do rủi ro môi trường thường có tính xuyên biên giới, không quốc gia nào có thể thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thẩm định thích đáng nếu thiếu cơ chế thông báo, tham vấn, trao đổi dữ liệu và phối hợp hành động với các quốc gia có khả năng bị ảnh hưởng. Nghĩa vụ hợp tác vì vậy không phải là khẩu hiệu chính trị, mà là thành tố thủ tục của due diligence, giúp bảo đảm rằng quyết định quốc gia được đưa ra trên cơ sở thông tin đầy đủ và có tính đến lợi ích hợp pháp của các chủ thể liên quan [16].

Yếu tố thứ năm là nghĩa vụ cập nhật biện pháp quản lý theo tiến bộ khoa học [11, paras. 16-18]. Vì rủi ro môi trường và khí hậu luôn biến đổi theo thời gian, quốc gia không thể coi việc ban hành một văn bản pháp luật hoặc một lần cấp phép là đã hoàn thành nghĩa vụ [15]. Chuẩn mực thẩm định thích đáng đòi hỏi quá trình rà soát liên tục, điều chỉnh chính sách, nâng cấp tiêu chuẩn kỹ thuật và sửa đổi biện pháp quản lý khi

tri thức khoa học cho thấy mức độ rủi ro đã thay đổi. Đây là lý do due diligence ngày càng được hiểu như một nghĩa vụ quản trị rủi ro liên tục, chứ không phải một nghĩa vụ thủ tục đơn lẻ.

2.3. Due diligence trong luật khí hậu quốc tế: từ chuẩn mực môi trường chung đến chuẩn mực khí hậu chuyên biệt

Trong uật khí hậu quốc tế, nghĩa vụ thẩm định thích đáng kế thừa nền tảng của luật môi trường quốc tế nhưng đồng thời có sự chuyên biệt hóa rõ rệt. Biến đổi khí hậu không phải là dạng thiệt hại xuyên biên giới truyền thống, nơi có thể dễ dàng xác định một nguồn gây hại, một quốc gia bị hại và một chuỗi nhân quả tuyến tính [18]. Đây là hiện tượng tích lũy, toàn cầu, kéo dài qua nhiều thế hệ và chịu tác động bởi hoạt động của cả nhà nước lẫn khu vực tư nhân. Vì vậy, due diligence trong lĩnh vực khí hậu không thể chỉ dừng lại ở nghĩa vụ không gây hại, mà phải phát triển thành nghĩa vụ tổ chức quản trị phát thải và rủi ro khí hậu trong toàn bộ hệ thống pháp luật quốc gia.

Sự chuyển dịch này thể hiện ở việc chuẩn mực due diligence ngày càng gắn với các nghĩa vụ cụ thể như xây dựng mục tiêu giảm phát thải phù hợp với khoa học khí hậu, chuẩn bị và thực hiện trách nhiệm đóng góp do quốc gia tự quyết định (Nationally Determined Contribution – NDC) với mức tham vọng cao nhất có thể, kiểm kê khí nhà kính, điều tiết các ngành phát thải lớn, đánh giá tác động khí hậu của dự án, bảo vệ nhóm dễ bị tổn thương và hợp tác quốc tế [3]. Các ý kiến tư vấn khí hậu gần đây của ITLOS và ICJ cho thấy due diligence không còn là chuẩn mực nền phía sau các nghĩa vụ môi trường, mà đang trở thành tiêu chí trung tâm để đánh giá mức độ tuân thủ nghĩa vụ khí hậu của quốc gia.

Tuy nhiên, việc chuyên biệt hóa due diligence trong Luật Khí hậu không đồng nghĩa với việc biến nghĩa vụ này thành nghĩa vụ bảo đảm kết quả tuyệt đối [14]. Quốc gia vẫn có sự khác biệt về năng lực, điều kiện phát triển và mức đóng góp lịch sử vào phát thải khí nhà kính [3]. Nhưng sự khác biệt đó chỉ có ý nghĩa trong việc xác định cách thức và mức độ thực hiện nghĩa vụ, chứ

không thể trở thành căn cứ biện minh cho việc không hành động. Do đó, điểm đặc thù của due diligence khí hậu nằm ở sự kết hợp giữa tính linh hoạt và tính nghiêm ngặt: linh hoạt vì phải xét đến hoàn cảnh quốc gia; nghiêm ngặt vì mức độ rủi ro khí hậu là nghiêm trọng, có thể dự báo và ngày càng được chứng minh chắc chắn bởi khoa học.

Từ góc độ này, due diligence là cầu nối quan trọng giữa cam kết quốc tế và pháp luật quốc gia. Nó chuyển hóa các mục tiêu khí hậu vốn có tính tổng quát thành các yêu cầu pháp lý có thể nhận diện như lập pháp đầy đủ, quản lý hiệu quả, giám sát phát thải, điều tiết doanh nghiệp, đánh giá rủi ro và cập nhật chính sách. Chính vì vậy, việc nghiên cứu nghĩa vụ thẩm định thích đáng không chỉ có ý nghĩa lý luận đối với luật quốc tế, mà còn là cơ sở để đánh giá mức độ tương thích và nhu cầu hoàn thiện pháp luật khí hậu của Việt Nam.

3. Sự phát triển của nghĩa vụ thẩm định thích đáng qua các ý kiến tư vấn của ITLOS và ICJ

3.1. Ý kiến tư vấn của ITLOS năm 2024: Mở rộng nội hàm nghĩa vụ khí hậu dưới góc độ luật biển

Ý kiến tư vấn ngày 21/5/2024 của ITLOS trong vụ việc do Ủy ban các quốc gia đảo nhỏ về biến đổi khí hậu và luật quốc tế (COSIS) yêu cầu là dấu mốc đầu tiên trong chuỗi ý kiến tư vấn khí hậu của các thiết chế tài phán quốc tế. Giá trị học thuật nổi bật của ý kiến này không chỉ nằm ở việc ITLOS xác nhận biến đổi khí hậu là vấn đề thuộc phạm vi điều chỉnh của UNCLOS, mà còn ở việc Tòa đã chuyển hóa các nghĩa vụ bảo vệ môi trường biển thành những nghĩa vụ khí hậu có nội dung cụ thể hơn. ITLOS không xem UNCLOS như một văn kiện tách biệt với luật khí hậu, mà diễn giải Công ước trong mối liên hệ với UNFCCC, Thỏa thuận Paris, khoa học khí hậu và các nguyên tắc chung của luật môi trường quốc tế [5, 19].

Bước phát triển quan trọng nhất của ITLOS là xác định phát thải khí nhà kính do con người gây ra có thể cấu thành “ô nhiễm môi trường biển” theo Điều 1(1)(4) UNCLOS [2]. Lập luận này có ý nghĩa nền tảng, bởi nếu khí nhà kính

được xem là ô nhiễm biển, thì các nghĩa vụ tại Phần XII của UNCLOS về bảo vệ và gìn giữ môi trường biển sẽ được kích hoạt đối với hoạt động phát thải khí nhà kính. Nói cách khác, ITLOS đã phá vỡ quan niệm cho rằng biến đổi khí hậu chỉ thuộc phạm vi của chế độ luật khí hậu chuyên ngành, đồng thời khẳng định rằng các nghĩa vụ theo UNCLOS vẫn tiếp tục vận hành song song với UNFCCC và Thỏa thuận Paris.

Từ điểm xuất phát đó, ITLOS làm rõ nghĩa vụ của quốc gia thành viên theo Điều 194(1) UNCLOS là phải thực hiện “mọi biện pháp cần thiết” để ngăn ngừa, giảm thiểu và kiểm soát ô nhiễm môi trường biển từ phát thải khí nhà kính [2]. Tòa nhấn mạnh rằng đây là nghĩa vụ thẩm định thích đáng, tức là quốc gia phải hành động với mức độ cẩn trọng phù hợp, chứ không chỉ tuyên bố cam kết chính sách [2]. Đặc biệt, ITLOS xác định chuẩn thẩm định thích đáng trong bối cảnh khí hậu là chuẩn “nghiêm ngặt” (stringent due diligence), do nguy cơ gây tổn hại nghiêm trọng và không thể đảo ngược đối với môi trường biển là rất cao [2]. Điểm này làm cho nghĩa vụ khí hậu dưới góc độ luật biển vượt ra ngoài mô hình nghĩa vụ mềm, bởi quốc gia phải chứng minh rằng các biện pháp lập pháp, hành chính, kỹ thuật và thực thi của mình tương xứng với mức độ rủi ro đã được khoa học xác nhận.

Một đóng góp khác của ITLOS là gắn nghĩa vụ thẩm định thích đáng với nguyên tắc phòng ngừa và cách tiếp cận đề phòng [2]. Theo Tòa, khi nguy cơ khí hậu đối với đại dương đã được khoa học chứng minh, quốc gia không thể trì hoãn hành động chỉ vì còn tồn tại bất định khoa học ở một số khía cạnh cụ thể. Cách tiếp cận này đặc biệt quan trọng trong lĩnh vực khí hậu, nơi thiệt hại thường tích lũy, lan rộng và có độ trễ thời gian dài [20]. Vì vậy, nghĩa vụ thẩm định thích đáng không chỉ yêu cầu phản ứng sau khi thiệt hại xảy ra, mà đòi hỏi quốc gia phải quản trị rủi ro từ sớm, dựa trên tri thức khoa học tốt nhất hiện có [2].

ITLOS cũng mở rộng nội hàm của due diligence thông qua nghĩa vụ đánh giá tác động môi trường theo Điều 206 UNCLOS [2]. Đối với các hoạt động có khả năng gây ô nhiễm biển hoặc biến đổi đáng kể môi trường biển, quốc gia phải

đánh giá tác động môi trường trước khi cho phép tiến hành hoạt động [4]. Trong bối cảnh khí hậu, điều này hàm ý rằng đánh giá tác động môi trường không thể chỉ xem xét ô nhiễm cục bộ, mà cần tính đến phát thải khí nhà kính, tác động tích lũy, axit hóa đại dương, nước biển dâng và suy thoái hệ sinh thái biển [2]. Đây là bước chuyển quan trọng từ EIA truyền thống sang đánh giá rủi ro khí hậu - biến tích hợp.

Ngoài ra, ITLOS khẳng định rằng nghĩa vụ hợp tác quốc tế là thành tố không thể tách rời của nghĩa vụ bảo vệ môi trường biển trước biến đổi khí hậu [2]. Các quốc gia phải hợp tác trong việc trao đổi thông tin, nghiên cứu khoa học, giám sát, xây dựng quy tắc quốc tế và hỗ trợ các quốc gia đang phát triển, đặc biệt là các quốc gia dễ bị tổn thương [4]. Nghĩa vụ này có ý nghĩa thực chất vì biến đổi khí hậu và suy thoái đại dương không thể được xử lý hiệu quả bằng hành động đơn phương [2].

Từ góc độ phát triển nghĩa vụ thẩm định thích đáng, Ý kiến tư vấn của ITLOS năm 2024 có ba đóng góp cốt lõi. Thứ nhất, Tòa đã “luật biển hóa” nghĩa vụ khí hậu bằng cách đưa phát thải khí nhà kính vào phạm vi ô nhiễm môi trường biển [2]. Thứ hai, Tòa nâng chuẩn due diligence lên mức nghiêm ngặt, tương ứng với tính nghiêm trọng của rủi ro khí hậu đối với đại dương [2]. Thứ ba, Tòa cụ thể hóa due diligence thành các nghĩa vụ vận hành thông qua việc giảm phát thải, đánh giá tác động môi trường, hợp tác, hỗ trợ kỹ thuật và cập nhật biện pháp theo khoa học khí hậu [2]. Đối với các quốc gia ven biển như Việt Nam, ý kiến này đặc biệt quan trọng vì nó cho thấy nghĩa vụ khí hậu không chỉ là vấn đề giảm phát thải nói chung, mà còn là nghĩa vụ bảo vệ môi trường biển, quản trị vùng ven biển và kiểm soát các hoạt động kinh tế có tác động đến đại dương [19].

3.2. Ý kiến tư vấn của ICJ năm 2025: củng cố và mở rộng chuẩn due diligence khí hậu

Nếu Ý kiến tư vấn của ITLOS năm 2024 mở rộng nghĩa vụ khí hậu từ góc độ luật biển, thì Ý kiến tư vấn của ICJ năm 2025 có vai trò hệ thống hóa nghĩa vụ khí hậu trong toàn bộ cấu trúc của

luật quốc tế chung. Điểm quan trọng của ICJ không phải là tạo ra một chế độ pháp lý hoàn toàn mới, mà là xác nhận rằng nghĩa vụ ứng phó với biến đổi khí hậu không chỉ phát sinh từ UNFCCC và Thỏa thuận Paris, mà còn từ luật tập quán quốc tế, luật nhân quyền, luật biển và luật trách nhiệm quốc gia [3]. Cách tiếp cận này làm suy yếu quan điểm cho rằng chế độ khí hậu quốc tế là một hệ thống khép kín, trong đó nghĩa vụ quốc gia chỉ bị giới hạn bởi các cam kết tự xác định trong NDC.

Đóng góp nổi bật nhất của ICJ đối với chuẩn due diligence nằm ở việc Tòa đặt nghĩa vụ này vào trung tâm của nghĩa vụ bảo vệ hệ thống khí hậu và các thành phần khác của môi trường. Theo ICJ, quốc gia có nghĩa vụ hành động với mức độ cẩn trọng thích đáng để ngăn ngừa thiệt hại đáng kể đối với môi trường, bao gồm thiệt hại phát sinh từ phát thải khí nhà kính do con người gây ra [3]. Chuẩn này không yêu cầu quốc gia bảo đảm tuyệt đối rằng thiệt hại khí hậu sẽ không xảy ra, nhưng đòi hỏi quốc gia phải thiết lập và thực thi một khuôn khổ pháp luật, chính sách và quản lý đủ nghiêm ngặt để kiểm soát các nguồn phát thải thuộc quyền tài phán của mình.

So với ITLOS, ICJ mở rộng chuẩn due diligence theo ba hướng. Thứ nhất, Tòa gắn due diligence với nghĩa vụ xây dựng và thực hiện NDC theo Thỏa thuận Paris [3]. NDC vì vậy không còn chỉ là văn kiện chính sách mang tính tuyên bố, mà trở thành công cụ pháp lý để đánh giá mức độ nỗ lực của quốc gia trong thực hiện nghĩa vụ khí hậu [6]. Quốc gia vẫn có quyền tự xác định nội dung NDC, nhưng quyền tự quyết này bị giới hạn bởi yêu cầu về mức tham vọng cao nhất có thể, nguyên tắc tiên triên và tri thức khoa học tốt nhất hiện có [3].

Thứ hai, ICJ củng cố mối liên hệ giữa due diligence khí hậu và quyền con người. Biến đổi khí hậu không chỉ gây tổn hại cho môi trường tự nhiên, mà còn đe dọa quyền sống, quyền sức khỏe, quyền có đời sống gia đình, quyền văn hóa và quyền của các nhóm dễ bị tổn thương. Khi khí hậu được đặt trong cấu trúc nghĩa vụ nhân quyền, due diligence không chỉ yêu cầu quốc gia giảm phát thải, mà còn yêu cầu bảo vệ con người trước các rủi ro khí hậu có thể dự báo [21]. Đây là điểm

làm cho nghĩa vụ khí hậu có tác động tới nội luật rõ rệt hơn, bởi quốc gia phải chuyển hóa nghĩa vụ quốc tế thành cơ chế pháp luật trong nước có khả năng bảo vệ cá nhân và cộng đồng [22].

Thứ ba, ICJ làm rõ nghĩa vụ điều tiết chủ thể tư nhân [8]. Phần lớn phát thải khí nhà kính phát sinh từ hoạt động sản xuất, năng lượng, giao thông, nông nghiệp và tiêu dùng do các chủ thể ngoài nhà nước thực hiện; vì vậy, quốc gia không thể hoàn thành nghĩa vụ khí hậu nếu chỉ kiểm soát hành vi của cơ quan công quyền. Chuẩn due diligence đòi hỏi quốc gia phải ban hành quy định, cấp phép, kiểm kê, giám sát, chế tài và yêu cầu minh bạch đối với các doanh nghiệp phát thải lớn. Đây là bước chuyển từ nghĩa vụ không gây hại sang nghĩa vụ quản trị rủi ro trong toàn bộ nền kinh tế carbon [15].

Một phương diện khác có ý nghĩa học thuật sâu sắc là việc ICJ liên hệ nghĩa vụ khí hậu với trách nhiệm quốc gia [3]. Tòa thừa nhận rằng vi phạm nghĩa vụ khí hậu có thể làm phát sinh các hệ quả pháp lý theo luật trách nhiệm quốc gia, bao gồm nghĩa vụ chấm dứt hành vi vi phạm, bảo đảm không tái diễn và bồi thường trong trường hợp đáp ứng các điều kiện pháp lý liên quan. Tuy nhiên, ICJ cũng thận trọng khi không giải quyết trọn vẹn các vấn đề khó như thời điểm phát sinh trách nhiệm, quy thuộc hành vi, quan hệ nhân quả và lượng hóa thiệt hại khí hậu. Sự thận trọng này cho thấy due diligence là chuẩn mực có khả năng mở đường cho trách nhiệm khí hậu, nhưng chưa tự nó giải quyết mọi vấn đề về chứng minh và thực thi [9].

Đáng chú ý, ICJ còn thừa nhận tính chất erga omnes của một số nghĩa vụ bảo vệ hệ thống khí hậu và môi trường khỏi phát thải khí nhà kính [3]. Điều này đặt nghĩa vụ khí hậu vào logic của lợi ích chung của cộng đồng quốc tế, thay vì chỉ là quan hệ song phương giữa quốc gia gây thiệt hại và quốc gia bị thiệt hại. Cách tiếp cận này có thể mở rộng khả năng viện dẫn trách nhiệm quốc gia trong các tranh chấp khí hậu, dù vẫn còn nhiều rào cản về thẩm quyền, tư cách khởi kiện, nguyên nhân và biện pháp khắc phục.

Tuy vậy, cần tránh diễn giải Ý kiến tư vấn ICJ theo hướng tuyệt đối hóa quyền năng của Tòa. Ý

kiến tư vấn của ICJ không có hiệu lực ràng buộc như phán quyết trong vụ tranh tụng và sức ảnh hưởng của nó phụ thuộc vào tính thuyết phục của lập luận cũng như mức độ tiếp nhận của quốc gia [7]. Giá trị của ICJ không nằm ở chỗ áp đặt một cơ chế cưỡng chế trực tiếp, mà ở việc nâng due diligence thành chuẩn tham chiếu pháp lý có sức nặng để đánh giá hành vi quốc gia trong quản trị khí hậu.

Từ góc độ phát triển luật khí hậu quốc tế, ý kiến tư vấn của ICJ năm 2025 đã củng cố và mở rộng chuẩn due diligence theo hướng toàn diện hơn so với ITLOS. Nếu ITLOS làm rõ nghĩa vụ khí hậu trong khuôn khổ bảo vệ môi trường biển, thì ICJ đặt nghĩa vụ này trong một cấu trúc pháp lý rộng hơn, bao gồm điều ước khí hậu, tập quán quốc tế, nhân quyền, trách nhiệm quốc gia và lợi ích cộng đồng quốc tế. Chính sự mở rộng đó làm cho due diligence trở thành tiêu chí trung tâm để đánh giá không chỉ mức độ cam kết, mà cả chất lượng quản trị khí hậu của quốc gia.

3.3. Sự định hình của mô hình due diligence khí hậu trong luật quốc tế đương đại

Việc đặt cạnh nhau Ý kiến tư vấn của ITLOS năm 2024 và Ý kiến tư vấn của ICJ năm 2025 cho thấy các cơ quan tài phán quốc tế không chỉ làm rõ nội dung của các nghĩa vụ khí hậu hiện hành mà còn góp phần định hình một mô hình due diligence khí hậu tương đối hoàn chỉnh trong luật quốc tế đương đại. Nếu trong các án lệ môi trường truyền thống, due diligence chủ yếu được hiểu như nghĩa vụ áp dụng các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa thiệt hại xuyên biên giới, thì trong bối cảnh biến đổi khí hậu, chuẩn mực này đang được phát triển theo hướng rộng hơn đáng kể, bao quát toàn bộ quá trình xây dựng chính sách, tổ chức thực thi, điều tiết hoạt động kinh tế và quản trị rủi ro khí hậu của quốc gia.

Điểm nổi bật đầu tiên là sự chuyển dịch từ mô hình nghĩa vụ phòng ngừa sang mô hình nghĩa vụ quản trị. Trong các tranh chấp môi trường cổ điển, trọng tâm của due diligence thường nằm ở việc ngăn ngừa một hoạt động cụ thể có nguy cơ gây thiệt hại cho quốc gia khác. Tuy nhiên, biến đổi khí hậu là hiện tượng có tính tích lũy, xuyên

biên giới và liên thế hệ, khiến cách tiếp cận dựa trên từng nguồn gây hại riêng lẻ trở nên không còn đầy đủ. Cả ITLOS và ICJ đều nhấn mạnh rằng quốc gia không thể hoàn thành nghĩa vụ khí hậu chỉ bằng việc hạn chế một số hoạt động phát thải cụ thể, mà phải thiết lập một hệ thống quản trị có khả năng nhận diện, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro khí hậu trên phạm vi toàn bộ nền kinh tế. Do đó, đối tượng của due diligence không còn là một hành vi đơn lẻ mà là năng lực quản trị khí hậu của quốc gia.

Điểm nổi bật thứ hai là sự mở rộng phạm vi nghĩa vụ quốc gia, từ kiểm soát hành vi của cơ quan công quyền sang điều tiết hoạt động của các chủ thể tư nhân. Trong mô hình truyền thống, trách nhiệm quốc tế thường gắn với hành vi của cơ quan nhà nước hoặc các thực thể được quy thuộc cho nhà nước. Tuy nhiên, phần lớn phát thải khí nhà kính hiện nay phát sinh từ hoạt động của doanh nghiệp, nhà đầu tư và các chủ thể kinh tế tư nhân. Chính vì vậy, cả ITLOS và ICJ đều khẳng định rằng quốc gia không thể viện dẫn tính độc lập của doanh nghiệp để phủ nhận trách nhiệm quốc tế của mình. Trái lại, một bộ phận quan trọng của due diligence khí hậu chính là nghĩa vụ xây dựng khuôn khổ pháp lý và cơ chế quản lý đủ khả năng kiểm soát các hoạt động phát thải thuộc quyền tài phán hoặc quyền kiểm soát của quốc gia. Điều này phản ánh sự chuyển dịch từ nhà nước với tư cách là chủ thể trực tiếp gây hại sang nhà nước với tư cách là chủ thể điều tiết rủi ro khí hậu của toàn xã hội.

Điểm nổi bật thứ ba là quá trình khí hậu hóa của chuẩn due diligence trong luật quốc tế. Nếu trước đây nghĩa vụ này chủ yếu được diễn giải thông qua nguyên tắc không gây thiệt hại và nghĩa vụ phòng ngừa thiệt hại môi trường nói chung, thì các ý kiến tư vấn gần đây đã gắn due diligence với những yêu cầu đặc thù của khoa học khí hậu hiện đại. Những yêu cầu đó bao gồm kiểm soát phát thải khí nhà kính, đánh giá tác động khí hậu, quản trị rủi ro khí hậu, thực hiện NDC, thích ứng với biến đổi khí hậu và cập nhật chính sách dựa trên tri thức khoa học tốt nhất hiện có. Nói cách khác, due diligence không còn là một chuẩn mực môi trường chung được áp dụng cho biến đổi khí hậu, mà đang dần trở thành

một chuẩn mực khí hậu chuyên biệt với nội dung ngày càng rõ ràng và cụ thể hơn.

Điểm nổi bật thứ tư là sự dịch chuyển của due diligence từ phạm vi lợi ích quốc gia sang phạm vi lợi ích chung của cộng đồng quốc tế. ITLOS tiếp cận vấn đề này thông qua yêu cầu bảo vệ môi trường biển trước các tác động của biến đổi khí hậu, trong khi ICJ đặt nghĩa vụ khí hậu trong mối liên hệ với quyền con người, nghĩa vụ erga omnes và trách nhiệm đối với các thể hệ hiện tại cũng như thế hệ tương lai. Cách tiếp cận đó cho thấy biến đổi khí hậu không còn được nhìn nhận đơn thuần như một vấn đề môi trường hay phát triển, mà là một lợi ích pháp lý chung của cộng đồng quốc tế. Hệ quả là việc đánh giá mức độ thực hiện due diligence không chỉ dựa trên tác động đối với một quốc gia cụ thể mà còn dựa trên đóng góp của quốc gia đối với việc bảo vệ hệ thống khí hậu toàn cầu.

Từ những chuyển dịch trên, có thể nhận diện năm chuẩn mực pháp lý mới nổi đang cấu thành nội hàm của due diligence khí hậu trong luật quốc tế đương đại. Thứ nhất, quốc gia có nghĩa vụ xây dựng khuôn khổ pháp luật và thể chế khí hậu đầy đủ để bảo đảm thực hiện các mục tiêu giảm phát thải và thích ứng. Thứ hai, quốc gia có nghĩa vụ nhận diện, kiểm kê và kiểm soát các nguồn phát thải khí nhà kính thuộc quyền tài phán hoặc kiểm soát của mình. Thứ ba, quốc gia có nghĩa vụ đánh giá và quản trị rủi ro khí hậu thông qua các cơ chế như đánh giá tác động môi trường, đánh giá tác động khí hậu và hệ thống giám sát khoa học. Thứ tư, quốc gia có nghĩa vụ điều tiết các chủ thể tư nhân nhằm bảo đảm các hoạt động kinh tế phù hợp với mục tiêu bảo vệ hệ thống khí hậu. Thứ năm, quốc gia có nghĩa vụ hợp tác, minh bạch và chia sẻ thông tin trong việc thực hiện các cam kết khí hậu quốc tế.

Năm chuẩn mực này không tồn tại như những nghĩa vụ độc lập, mà hợp thành một mô hình due diligence khí hậu thống nhất. Điểm cốt lõi của mô hình đó là chuyển trọng tâm đánh giá từ kết quả phát thải thuần túy sang chất lượng quản trị khí hậu của quốc gia. Chính sự chuyển dịch này là đóng góp quan trọng nhất của các ý kiến tư vấn của ITLOS và ICJ đối với sự phát triển của luật khí hậu quốc tế đương đại, đồng thời tạo ra

cơ sở lý luận quan trọng để đánh giá mức độ tương thích và định hướng hoàn thiện pháp luật quốc gia, trong đó có Việt Nam.

4. Hàm ý chính sách và pháp luật đối với Việt Nam

4.1. Mức độ tương thích của pháp luật Việt Nam với mô hình due diligence khí hậu

Đối chiếu với mô hình due diligence khí hậu được khái quát từ các ý kiến tư vấn của ITLOS và ICJ, có thể nhận thấy pháp luật Việt Nam trong những năm gần đây đã có bước phát triển đáng kể theo hướng tiếp cận ngày càng gần hơn với các chuẩn mực mới nổi của luật khí hậu quốc tế. Mặc dù Việt Nam chưa ban hành một đạo luật chuyên biệt về biến đổi khí hậu, hệ thống pháp luật hiện hành đã từng bước hình thành các thành tố cơ bản của một khuôn khổ quản trị khí hậu quốc gia, bao gồm cơ chế xây dựng chính sách khí hậu, kiểm soát phát thải khí nhà kính, đánh giá và quản trị rủi ro môi trường, điều tiết các chủ thể phát thải và thực hiện các nghĩa vụ minh bạch, hợp tác quốc tế.

Trước hết, xét dưới góc độ chuẩn mực về xây dựng khuôn khổ pháp luật và thể chế khí hậu, Việt Nam đã hình thành nền tảng pháp lý tương đối toàn diện cho quản trị khí hậu. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 lần đầu tiên dành một chương riêng quy định về ứng phó với biến đổi khí hậu, trong đó xác lập các cơ chế về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, thích ứng với biến đổi khí hậu, kiểm kê khí nhà kính, tổ chức thị trường carbon và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong quản lý khí hậu [23]. Trên cơ sở đó, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 06/2022/NĐ-CP quy định về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-zôn [24]; tiếp theo là Nghị định số 119/2025/NĐ-CP [25] và Nghị định số 83/2026/NĐ-CP nhằm sửa đổi, hoàn thiện cơ chế quản lý phát thải khí nhà kính và vận hành thị trường carbon trong nước [26]. Sự phát triển liên tục của hệ thống văn bản này cho thấy Việt Nam đã chuyển từ cách tiếp cận coi biến đổi khí hậu chủ yếu là vấn đề chính sách sang cách tiếp cận

đặt biến đổi khí hậu trong khuôn khổ điều chỉnh của pháp luật.

Thứ hai, pháp luật Việt Nam đã bước đầu đáp ứng các chuẩn mực về kiểm soát các nguồn phát thải khí nhà kính thuộc quyền tài phán quốc gia. Theo Điều 91 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, các cơ sở phát thải lớn thuộc danh mục do Thủ tướng Chính phủ ban hành có trách nhiệm thực hiện kiểm kê khí nhà kính và xây dựng kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính. Quyết định số 13/2024/QĐ-TTg tiếp tục xác định cụ thể các lĩnh vực và cơ sở phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính, qua đó tạo cơ sở pháp lý để nhận diện và quản lý các nguồn phát thải trọng yếu của nền kinh tế [27]. Việc thiết lập hệ thống kiểm kê quốc gia, cơ sở dữ liệu phát thải và cơ chế đo đạc, báo cáo và thẩm định (MRV) cho thấy pháp luật Việt Nam đã tiếp cận tương đối gần với yêu cầu của due diligence khí hậu về nhận diện, theo dõi và kiểm soát các rủi ro phát sinh từ phát thải khí nhà kính.

Thứ ba, xét dưới góc độ đánh giá và quản trị rủi ro, pháp luật Việt Nam cũng đã hình thành những công cụ quan trọng nhằm hiện thực hóa nguyên tắc phòng ngừa trong quản lý môi trường và khí hậu. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, tại Chương IV, tiếp tục duy trì cơ chế đánh giá tác động môi trường (ĐTM) đối với các dự án có nguy cơ gây tác động đáng kể đến môi trường, đồng thời bổ sung các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong hoạt động quy hoạch và đầu tư phát triển. Bên cạnh đó, Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 896/QĐ-TTg năm 2022 đã đặt thích ứng với biến đổi khí hậu trở thành một trụ cột quan trọng của chính sách quốc gia [28]. Điều này cho thấy cách tiếp cận của Việt Nam không chỉ tập trung vào giảm phát thải mà còn từng bước chuyển sang quản trị rủi ro khí hậu trong dài hạn.

Thứ tư, pháp luật Việt Nam đã bước đầu hình thành cơ chế điều tiết các chủ thể tư nhân phát thải khí nhà kính. Theo các quy định hiện hành, các doanh nghiệp thuộc danh mục kiểm kê khí nhà kính phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, cung cấp dữ liệu phát thải và xây dựng kế hoạch giảm nhẹ phát thải theo lộ trình do Nhà nước quy định [23, Điều 91]. Đồng thời, việc thiết lập thị trường

carbon trong nước theo Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản hướng dẫn liên quan cho thấy Nhà nước đang từng bước sử dụng các công cụ kinh tế để định hướng hành vi của các chủ thể phát thải. Mặc dù cơ chế này vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện, sự xuất hiện của các nghĩa vụ phát thải ở cấp doanh nghiệp phản ánh xu hướng chuyển dịch từ quản lý môi trường truyền thống sang quản trị khí hậu dựa trên trách nhiệm của các chủ thể kinh tế.

Thứ năm, Việt Nam có mức độ tương thích tương đối cao với các chuẩn mực về hợp tác quốc tế và minh bạch. Là thành viên của UNFCCC và Thỏa thuận Paris, Việt Nam đã tham gia đầy đủ vào các cơ chế báo cáo, cập nhật thông tin và thực hiện đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) [29]. NDC cập nhật năm 2022 tiếp tục nâng mức đóng góp giảm phát thải của Việt Nam và khẳng định mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 được công bố tại Hội nghị COP26 [30]. Việc xây dựng hệ thống MRV quốc gia, cơ chế kiểm kê khí nhà kính và cơ sở dữ liệu phát thải cũng cho thấy Việt Nam đang từng bước đáp ứng các yêu cầu về minh bạch được đặt ra trong cơ chế thực hiện của Thỏa thuận Paris.

Như vậy, pháp luật Việt Nam đã hình thành phần lớn các thành tố cơ bản của mô hình due diligence khí hậu được phát triển trong luật quốc tế đương đại. Hệ thống pháp luật hiện hành đã bao quát các nội dung cốt lõi như xây dựng khuôn khổ thể chế khí hậu, kiểm soát phát thải khí nhà kính, quản trị rủi ro môi trường và khí hậu, điều tiết các chủ thể phát thải cũng như thực hiện nghĩa vụ minh bạch và hợp tác quốc tế. Tuy nhiên, sự tương thích này chủ yếu mới được thiết lập ở cấp độ cấu trúc thể chế và định hướng chính sách. Việc đánh giá đầy đủ mức độ nội luật hóa chuẩn due diligence khí hậu đòi hỏi phải tiếp tục xem xét những khoảng trống pháp lý và những thách thức trong quá trình thực thi [31].

4.2. Những khoảng trống pháp lý trong việc nội luật hóa chuẩn due diligence khí hậu

Mặc dù pháp luật Việt Nam đã hình thành nền tảng tương thích với mô hình due diligence khí hậu, việc nội luật hóa chuẩn mực này vẫn chưa

đầy đủ ở bốn phương diện then chốt. Vấn đề cốt lõi không phải là Việt Nam thiếu hoàn toàn các công cụ pháp lý về khí hậu, mà là các công cụ hiện có chưa được kết nối thành một cơ chế quản trị khí hậu có khả năng đo lường, kiểm chứng và quy trách nhiệm một cách đầy đủ.

Khoảng trống thứ nhất là đánh giá tác động khí hậu trong đánh giá tác động môi trường. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP đã thiết lập cơ chế ĐTM đối với dự án đầu tư có nguy cơ tác động xấu đến môi trường [23]. Tuy nhiên, cơ chế ĐTM hiện hành vẫn chủ yếu hướng đến việc đánh giá tác động môi trường trực tiếp của dự án, trong khi chưa quy định rõ nghĩa vụ đánh giá phát thải khí nhà kính, phát thải vòng đời, tác động tích lũy, rủi ro thích ứng và mức độ phù hợp của dự án với NDC hoặc mục tiêu phát thải ròng bằng “0”. Khoảng trống này đáng chú ý vì ITLOS đã nhấn mạnh nghĩa vụ đánh giá tác động môi trường đối với các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm hoặc biến đổi môi trường biển đáng kể [27], còn ICJ đặt nghĩa vụ đánh giá rủi ro trong mối liên hệ với tri thức khoa học tốt nhất hiện có [3]. Nếu thiếu đánh giá tác động khí hậu, cơ quan cấp phép có thể chấp thuận các dự án đáp ứng yêu cầu môi trường cục bộ nhưng lại làm gia tăng phụ thuộc vào carbon trong dài hạn.

Khoảng trống thứ hai là điều tiết doanh nghiệp phát thải lớn chưa đủ tính cưỡng chế. Quyết định số 13/2024/QĐ-TTg đã xác định danh mục lĩnh vực và cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê, qua đó tạo cơ sở để Nhà nước nhận diện các nguồn phát thải trọng yếu. Nghị định số 06/2022/NĐ-CP cũng đặt nền móng cho việc kiểm kê khí nhà kính, MRV, giảm nhẹ phát thải và phát triển thị trường carbon trong nước. Tuy nhiên, chuẩn due diligence khí hậu đòi hỏi nhiều hơn việc thu thập dữ liệu phát thải. Quốc gia cần bảo đảm rằng dữ liệu phát thải được kiểm chứng độc lập, doanh nghiệp có lộ trình giảm phát thải có thể giám sát, hành vi báo cáo sai bị xử lý hiệu quả, và việc không tuân thủ nghĩa vụ giảm phát thải kéo theo hệ quả pháp lý rõ ràng [8]. Ở điểm này, pháp luật Việt Nam mới ở giai đoạn thiết lập nghĩa vụ báo cáo và kiểm kê, trong khi cơ chế trách nhiệm giải

trình khí hậu của doanh nghiệp vẫn chưa thật sự hoàn chỉnh.

Khoảng trống thứ ba là quản trị khí hậu biển và ven biển chưa được tích hợp đầy đủ. Việt Nam là quốc gia ven biển chịu rủi ro cao từ nước biển dâng, xói lở bờ biển, xâm nhập mặn, suy thoái hệ sinh thái ven biển và các hiện tượng thời tiết cực đoan [10]. Nghị quyết số 139/2024/QH15 về Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 là bước tiến quan trọng trong quản lý không gian biển [32]. Tuy nhiên, sau Ý kiến tư vấn ITLOS, quản trị biển không thể chỉ là việc phân bổ không gian cho các ngành kinh tế biển, mà cần được hiểu là một cấu phần của nghĩa vụ khí hậu [2]. Điều này đòi hỏi tích hợp rủi ro khí hậu, bảo vệ hệ sinh thái carbon xanh, đánh giá tác động của dự án ven biển, kiểm soát hoạt động cảng biển, năng lượng ngoài khơi và hạ tầng ven biển vào quy hoạch, cấp phép và giám sát môi trường biển [4]. Khoảng trống hiện nay là mối liên kết giữa luật khí hậu, luật môi trường biển, quy hoạch không gian biển và chính sách thích ứng vẫn chưa đủ chặt chẽ tạo thành một cơ chế due diligence khí hậu - biển thống nhất [33]

Khoảng trống thứ tư là thiếu một khuôn khổ luật khí hậu thống nhất. Các quy định liên quan đến biến đổi khí hậu hiện đang phân tán trong Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 06/2022/NĐ-CP, các văn bản sửa đổi, Quyết định số 13/2024/QĐ-TTg, Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu đến năm 2050, NDC 2022 và các quy hoạch ngành. Sự phân tán này không phủ nhận giá trị của các công cụ hiện có, nhưng có thể làm suy giảm tính minh bạch của nghĩa vụ pháp lý và gây khó khăn cho việc phân định trách nhiệm giữa các cơ quan trung ương, địa phương, cơ quan quản lý ngành và doanh nghiệp. Trong khi đó, chuẩn due diligence khí hậu đòi hỏi một khuôn khổ có khả năng liên kết mục tiêu dài hạn với quyết định cấp phép hằng ngày, gắn kiểm kê phát thải với phân bổ hạn ngạch, kết nối ĐTM với NDC, và bảo đảm giám sát độc lập đối với tiến độ thực hiện.

Từ bốn khoảng trống trên, có thể thấy thách thức lớn nhất của Việt Nam không phải là thiếu cam kết khí hậu, mà là thiếu mức độ tích hợp

pháp lý đủ mạnh để biến cam kết thành nghĩa vụ có thể thực thi. Nói cách khác, pháp luật Việt Nam đã có các mảnh ghép quan trọng của mô hình due diligence khí hậu, nhưng các mảnh ghép này cần được kết nối chặt chẽ hơn trong một cấu trúc pháp lý thống nhất. Đây chính là cơ sở để đề xuất các định hướng hoàn thiện pháp luật theo lộ trình ngắn hạn, trung hạn và dài hạn ở phần tiếp theo.

4.3. Định hướng hoàn thiện pháp luật Việt Nam

Để tiệm cận các chuẩn mực due diligence khí hậu đang hình thành trong luật quốc tế đương đại, việc hoàn thiện pháp luật Việt Nam cần được thực hiện theo lộ trình nhiều giai đoạn, bảo đảm vừa phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, vừa đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của quản trị khí hậu toàn cầu. Trọng tâm của quá trình này không chỉ là bổ sung các quy định mới mà còn là nâng cao khả năng thực thi, giám sát và quy trách nhiệm đối với các chủ thể có liên quan.

Trong ngắn hạn, ưu tiên hàng đầu là hoàn thiện hệ thống văn bản dưới luật nhằm tăng cường hiệu quả vận hành của khuôn khổ pháp luật hiện hành. Trước hết, cần bổ sung các hướng dẫn kỹ thuật về đánh giá tác động khí hậu đối với các dự án có nguy cơ phát thải lớn hoặc tạo ra hiệu ứng khóa chặt carbon trong dài hạn. Việc đánh giá này cần được thực hiện như một hợp phần bắt buộc trong quy trình đánh giá tác động môi trường, bao gồm phân tích phát thải khí nhà kính, tác động tích lũy, khả năng thích ứng và mức độ phù hợp với NDC cũng như mục tiêu phát thải ròng bằng “0”. Đồng thời, cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế đo đạc, báo cáo và thẩm định, bảo đảm dữ liệu phát thải của doanh nghiệp được kiểm chứng độc lập và có khả năng so sánh, qua đó nâng cao tính minh bạch của hệ thống quản lý phát thải quốc gia. Đối với lĩnh vực biển và ven biển, các văn bản hướng dẫn thi hành quy hoạch không gian biển quốc gia cần tích hợp rõ hơn các yêu cầu về thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ hệ sinh thái carbon xanh và đánh giá rủi ro khí hậu đối với các hoạt động phát triển kinh tế biển.

Trong trung hạn, cần xem xét sửa đổi Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 theo hướng tăng

cường tính hệ thống trong quản trị khí hậu. Mặc dù Luật đã dành một chương riêng về ứng phó với biến đổi khí hậu, nhiều nội dung cốt lõi của quản trị khí hậu hiện vẫn được điều chỉnh chủ yếu bằng nghị định hoặc chiến lược, chính sách. Một hướng sửa đổi quan trọng là luật hóa rõ hơn nghĩa vụ giảm phát thải khí nhà kính của các cơ sở phát thải lớn, bao gồm trách nhiệm lập kế hoạch giảm phát thải, nghĩa vụ công bố dữ liệu phát thải và cơ chế giám sát việc thực hiện. Bên cạnh đó, Luật cần bổ sung cơ sở pháp lý rõ ràng cho việc đánh giá tác động khí hậu và đánh giá rủi ro khí hậu trong hoạt động quy hoạch, đầu tư và cấp phép dự án. Việc sửa đổi này sẽ giúp chuyển hóa nguyên tắc phòng ngừa từ một định hướng chính sách thành nghĩa vụ pháp lý cụ thể của cơ quan nhà nước và chủ đầu tư. Đồng thời, cần nghiên cứu, thiết lập cơ chế trách nhiệm giải trình khí hậu của doanh nghiệp, phù hợp với xu hướng mở rộng nghĩa vụ điều tiết đối với chủ thể tư nhân trong các ý kiến tư vấn khí hậu gần đây.

Về dài hạn, Việt Nam nên xem xét xây dựng một đạo luật chuyên biệt về biến đổi khí hậu. Nhu cầu này xuất phát từ thực tế rằng các quy định khí hậu hiện đang phân tán trong nhiều văn bản khác nhau và chưa tạo thành một khuôn khổ pháp lý thống nhất. Một Luật Biến đổi khí hậu có thể đóng vai trò là đạo luật khung điều chỉnh toàn diện các vấn đề giảm nhẹ phát thải, thích ứng với biến đổi khí hậu, thị trường carbon, tài chính khí hậu, chuyển dịch năng lượng công bằng và trách nhiệm của các chủ thể phát thải. Quan trọng hơn, đạo luật này cần luật hóa các yếu tố cốt lõi của mô hình due diligence khí hậu, bao gồm nghĩa vụ xây dựng khuôn khổ pháp luật khí hậu, kiểm soát phát thải khí nhà kính, đánh giá và quản trị rủi ro khí hậu, điều tiết các chủ thể tư nhân và bảo đảm minh bạch trong việc thực hiện các cam kết quốc tế. Trên cơ sở đó, các mục tiêu dài hạn như phát thải ròng bằng “0”, thực hiện NDC và quản trị carbon quốc gia sẽ được chuyển hóa từ cam kết chính sách thành nghĩa vụ pháp lý có khả năng thực thi và giám sát.

Nhìn tổng thể, quá trình hoàn thiện pháp luật khí hậu của Việt Nam không nên được hiểu đơn thuần là việc ban hành thêm các quy định mới, mà là quá trình xây dựng một mô hình quản trị

khí hậu hiện đại dựa trên chuẩn due diligence. Điều này sẽ giúp tăng cường khả năng thực hiện các cam kết quốc tế của Việt Nam, đồng thời nâng cao năng lực ứng phó với các rủi ro khí hậu ngày càng gia tăng trong tương lai.

5. Kết luận

Biến đổi khí hậu đang thúc đẩy sự chuyển dịch sâu sắc của luật quốc tế từ mô hình điều chỉnh dựa chủ yếu vào các cam kết chính trị và hợp tác liên chính phủ sang mô hình ngày càng nhấn mạnh các nghĩa vụ pháp lý cụ thể của quốc gia. Trong bối cảnh đó, các ý kiến tư vấn của ITLOS năm 2024 và của ICJ năm 2025 đánh dấu một bước phát triển quan trọng trong quá trình định hình các chuẩn mực pháp lý của luật khí hậu quốc tế. Mặc dù không tạo ra các nghĩa vụ hoàn toàn mới, hai ý kiến tư vấn đã góp phần làm rõ cơ sở pháp lý, nội hàm và phương thức thực hiện nghĩa vụ của quốc gia trong ứng phó với biến đổi khí hậu, qua đó thu hẹp khoảng cách giữa các cam kết khí hậu quốc tế và yêu cầu thực thi pháp lý trong thực tiễn.

Kết quả nghiên cứu cho thấy ITLOS và ICJ đã phát triển đáng kể nội hàm của nghĩa vụ thẩm định thích đáng trong ứng phó với biến đổi khí hậu. Nếu ITLOS tiếp cận vấn đề từ góc độ bảo vệ môi trường biển theo UNCLOS và khẳng định phát thải khí nhà kính có thể cấu thành ô nhiễm môi trường biển, thì ICJ đã mở rộng phạm vi phân tích sang toàn bộ hệ thống luật quốc tế, bao gồm luật khí hậu, luật tập quán quốc tế, luật nhân quyền và luật trách nhiệm quốc gia. Thông qua các lập luận của mình, hai cơ quan tài phán đã làm rõ rằng nghĩa vụ thẩm định thích đáng không chỉ là yêu cầu chung về sự cẩn trọng của quốc gia, mà bao gồm các nghĩa vụ cụ thể như xây dựng khuôn khổ pháp luật đầy đủ, kiểm soát các nguồn phát thải thuộc quyền tài phán, đánh giá và quản trị rủi ro khí hậu, điều tiết hoạt động của chủ thể tư nhân, cũng như bảo đảm hợp tác và minh bạch quốc tế.

Từ những phát triển đó, bài viết cho rằng nghĩa vụ thẩm định thích đáng đang nổi lên như chuẩn mực trung tâm của luật khí hậu quốc tế

đương đại. Đây là chuẩn mực có khả năng kết nối các lĩnh vực pháp lý vốn trước đây được xem là tương đối tách biệt, bao gồm luật môi trường quốc tế, luật biển, luật nhân quyền và luật trách nhiệm quốc gia. Đồng thời, due diligence cũng tạo ra một tiêu chí pháp lý để đánh giá chất lượng quản trị khí hậu của quốc gia, vượt ra ngoài cách tiếp cận chỉ dựa trên việc tuyên bố mục tiêu hoặc cam kết giảm phát thải. Sự phát triển này cho thấy trọng tâm của luật khí hậu quốc tế đang chuyển từ câu hỏi quốc gia cam kết gì sang câu hỏi quốc gia đã thực hiện những biện pháp nào và ở mức độ nào để ứng phó với biến đổi khí hậu.

Đối với Việt Nam, nghiên cứu cho thấy hệ thống pháp luật hiện hành đã hình thành nhiều yếu tố tương thích với chuẩn due diligence khí hậu, đặc biệt trong các lĩnh vực kiểm kê khí nhà kính, giảm nhẹ phát thải, thị trường carbon và xây dựng chiến lược khí hậu quốc gia. Tuy nhiên, những khoảng trống liên quan đến đánh giá tác động khí hậu, điều tiết doanh nghiệp phát thải lớn, quản trị khí hậu biển và ven biển, cũng như sự thiếu vắng một khuôn khổ luật khí hậu thống nhất cho thấy quá trình nội luật hóa chuẩn mực này vẫn chưa hoàn tất. Vì vậy, trong thời gian tới, Việt Nam cần tiếp tục chuyển hóa nghĩa vụ thẩm định thích đáng từ một chuẩn mực của luật quốc tế thành các nghĩa vụ pháp lý cụ thể, có khả năng thực thi, giám sát và quy trách nhiệm trong hệ thống pháp luật quốc gia. Chỉ trên cơ sở đó, các cam kết khí hậu quốc tế mới có thể được hiện thực hóa thành năng lực quản trị khí hậu hiệu quả và bền vững trong thực tiễn./.

Lời cảm ơn

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số 505.01-2025.33.

Tài liệu tham khảo

- [1] Gehring, Markus, and Marie-Claire Cordonier Segger. "Climate Justice through International Courts and Tribunals: Advisory Opinions in the

- International Tribunal on the Law of the Sea (ITLOS), the Inter-American Court of Human Rights (IACtHR) and the International Court of Justice (ICJ).” University of Cambridge Faculty of Law Research Paper No. 4/2025.
- [2] International Tribunal for the Law of the Sea. Request for an Advisory Opinion Submitted by the Commission of Small Island States on Climate Change and International Law. Advisory Opinion, Case No. 31, May 21, 2024.
 - [3] International Court of Justice. Obligations of States in Respect of Climate Change. Advisory Opinion, July 23, 2025.
 - [4] United Nations Convention on the Law of the Sea, December 10, 1982.
 - [5] Benjamin, Lisa, and Cymie Payne. “The ITLOS Advisory Opinion on Climate Change and International Law: A Solid Legal Foundation for State Obligations on Climate Change.” *Ocean Yearbook Online* 39 (2025). <https://doi.org/10.1163/22116001-03901003>.
 - [6] Lange, Felix, and Julian Schophaus. “A New Point of Departure: Reflections on the ICJ’s Advisory Opinion on Climate Change.” *Environmental Policy and Law* 56, nos. 1–2 (2026): pp. 10-17. <https://doi.org/10.1177/18785395251404803>.
 - [7] Bodansky, Daniel. “How Authoritative Is the ICJ Climate Change Advisory Opinion?” *Climate Law* (2026): 1-22. <https://doi.org/10.1163/18786561-bja10093>.
 - [8] Paine, Joshua. “Due Diligence, Obligations to Cooperate and to Regulate Private Actors: Insights from Three Climate Change Advisory Opinions.” *Environmental Policy and Law* 56, nos. 1-2 (2026): pp. 18 - 29. <https://doi.org/10.1177/18785395251394330>.
 - [9] Tanaka, Yoshifumi. “Legal Consequences of Obligations Erga Omnes in the Context of Climate Change: Some Observations on State Responsibility in the ICJ Advisory Opinion on Climate Change.” *Climate Law* (2026): 1-24. <https://doi.org/10.1163/18786561-bja10092>.
 - [10] World Bank Group and Asian Development Bank. *Climate Risk Country Profile: Vietnam*. Washington, DC, and Manila: World Bank and Asian Development Bank, 2021.
 - [11] International Law Commission. First Report on Due Diligence in International Law. By Penelope Ridings, Special Rapporteur. U.N. Doc. A/CN.4/792, March 4, 2026.
 - [12] Corfu Channel (United Kingdom v. Albania). Judgment. I.C.J. Reports 1949, pp. 4.
 - [13] International Law Commission. Draft Articles on Prevention of Transboundary Harm from Hazardous Activities, with Commentaries. Yearbook of the International Law Commission 2001, vol. II, Part Two.
 - [14] Malaihollo, Medes. “Due Diligence in International Environmental Law and International Human Rights Law: A Comparative Legal Study of the Nationally Determined Contributions under the Paris Agreement and Positive Obligations under the European Convention on Human Rights.” *Netherlands International Law Review* 68 (2021): 121-155. <https://doi.org/10.1007/s40802-021-00188-5>.
 - [15] Krieger, Heike, Anne Peters, and Leonhard Kreuzer. “Due Diligence: The Risky Risk Management Tool in International Law” *Cambridge International Law Journal* 9, no. 2 (2020): pp. 121-136. <https://doi.org/10.4337/cilj.2020.02.01>.
 - [16] Pulp Mills on the River Uruguay (Argentina v. Uruguay). Judgment. I.C.J. Reports 2010, pp. 14.
 - [17] Coco, Antonio, and Talita de Souza Dias. “Cyber Due Diligence’: A Patchwork of Protective Obligations in International Law.” *European Journal of International Law* 32, no. 3 (2021): 771-806. <https://doi.org/10.1093/ejil/chab056>.
 - [18] Bodansky, Daniel. “The Role of the International Court of Justice in Addressing Climate Change: Some Preliminary Reflections.” *Arizona State Law Journal* 49 (2017), pp. 689-712.
 - [19] Đỗ Việt Cường. “Ý kiến tư vấn của ITLOS đối với đề trình của Ủy ban các Quốc gia đảo nhỏ về biến đổi khí hậu và luật quốc tế (Vụ việc số 31).” *Tạp chí Khoa học Pháp lý Việt Nam* số 11(2025). <https://doi.org/10.70236/khplvn.392>.
 - [20] Mayer, Benoit. “International Advisory Proceedings on Climate Change.” *Michigan Journal of International Law* 44, no. 1 (2023).
 - [21] McMenamin, Rebecca. “Advisory Opinion on Obligations of States in Respect of Climate Change: Potential Contribution of Human Rights Bodies.” *Climate Law* 13 (2023), pp. 213-223.
 - [22] Subedi, Surya P. “Interlinkages between Human Rights, Climate Action and Due Diligence Obligations of States: Potential Impact on Business Organizations.” *Environmental Policy and Law* 55, no. 6 (2025), pp. 190-197. <https://doi.org/10.1177/18785395251390411>.
 - [23] Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, ngày 17 tháng 11 năm 2020.

- [24] Chính phủ. Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn.
- [25] Chính phủ. Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP.
- [26] Chính phủ. Nghị định số 83/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP.
- [27] Thủ tướng Chính phủ. Quyết định số 13/2024/QĐ-TTg ngày 13 tháng 8 năm 2024 ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính.
- [28] Thủ tướng Chính phủ. Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2022 phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050.
- [29] Socialist Republic of Vietnam. Nationally Determined Contribution (NDC): Updated in 2022. https://unfccc.int/sites/default/files/NDC/2022-11/Viet%20Nam_NDC_2022_Eng.pdf.
- [30] Government of Viet Nam. “Statement by H.E. Mr. Pham Minh Chinh, Prime Minister of the Socialist Republic of Viet Nam at COP26 High-Level Segment.” UNFCCC, 2021. <https://unfccc.int/documents/308938>
- [31] Võ Trung Tín, and Nguyễn Quốc Đạt. “Quy định pháp luật môi trường về thị trường các-bon và những thách thức khi triển khai tại Việt Nam.” Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, no. 8 (2023): 55-62. [https://doi.org/10.56794/KHXHVN.8\(188\).55-62](https://doi.org/10.56794/KHXHVN.8(188).55-62).
- [32] Quốc hội. Nghị quyết số 139/2024/QH15 ngày 28 tháng 6 năm 2024 về Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- [33] Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13, ngày 25 tháng 6 năm 2015.